

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/HS-PT
Ngày: 16 - 4 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Tuấn và ông Trần Duy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2024/TLPT-HS, ngày 11/3/2024 đối với bị cáo Trần Q (Trần C), do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2024/HS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **TRẦN Q** (tên gọi khác: Trần C), sinh ngày 12/10/1992, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: TCD, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Trần T (Đã chết) và bà Trần Thị L; vợ Lương Thị Tuyết N; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2021); Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

Tại Bản án số: 176/2012/HSST ngày 06/6/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Tại Bản án số: 300/2012/HSPT ngày 10/8/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 06/7/2014, chấp hành xong hình phạt tù;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2023 đến ngày 10/11/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh đến nay. Hiện đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị Tuyết N, sinh năm 1993; địa chỉ: TCD, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Q là đối tượng nghiện ma túy loại Methamphetamine (đá). Quá trình sử dụng ma túy Q biết người nữ giới tên H (không rõ lai lịch) có số điện thoại 0923.034.619 là người bán ma túy đá. Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 22/8/2023, Trần Q sử dụng điện thoại di động hiệu S1 kèm sim 0917.451.751 đăng nhập tài khoản ứng dụng Zalo “A T1” liên lạc đến tài khoản Zalo của H mua 4.000.000đ ma túy đá thì được H hẹn đến khu vực rau xanh, đường N, phường T, thành phố B. Sau đó Q điều khiển xe mô tô hiệu Vision BKS 47B2 – 527.99 một mình đến gặp H. Đến nơi Q đưa số tiền 4.000.000đ thì được H đưa lại 02 gói nylon chứa ma túy đá. Mua được ma túy Quần móc trên thành xe rồi điều khiển xe đi về tìm nơi sử dụng. Khi Q vừa đến trước địa chỉ số C N, phường T, thành phố B thì bị Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện bắt quả tang, thu giữ 02 gói nylon bên trong chứa chất rắn màu trắng dạng tinh thể đã được niêm phong theo quy định pháp luật.

Tại kết luận giám định số 1029/KL- KTHS ngày 28/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Chất rắn màu trắng dạng tinh thể bên trong 02 gói nylon trong suốt được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 4,9600 gam.

Quá trình điều tra xác định, ngoài tên Trần Q trước đây còn có tên Trần C nên Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định vân tay của đối tượng. Tại kết luận giám định số 1214/KL-KTHS ngày 20/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Dấu vân tay trên mẫu cần giám định họ tên Trần Q so với dấu vân tay trên mẫu so sánh họ tên Trần C hiện đang lưu trữ tại Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Đắk Lắk là của cùng một người.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Q phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt bị cáo Trần Q 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2023 đến ngày 10/11/2023;

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngày 02/02/2024, bị cáo Trần Q có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, thành khẩn khai báo về các nội dung của vụ án.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Về tội danh và điều luật áp dụng, Tòa án cấp

sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt 04 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Trần Q mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, nên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Trần Q .

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Ngày 22/8/2023, tại nhà C N, phường T, thành phố B, Trần Q có hành vi tàng trữ trái phép 4,9600 gam ma túy, loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang cùng tang vật. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Q xin giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Bị cáo nhận thức được hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các loại dược chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo là người có nhân thân xấu, tại Bản án số: 176/2012/HSST ngày 06/6/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; tại Bản án số: 300/2012/HSPT ngày 10/8/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 06/7/2014, chấp hành xong hình phạt tù mà lại tiếp tục phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 19/2024/HS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Q. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2024/HS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Q 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2023 đến ngày 10/11/2023;

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Trần Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. B;
- Chi cục THADS Tp. B;
- T.H.A hình sự Công an Tp. B;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thanh Huyền